

BỘ ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6 NĂM HỌC 2016 - 2017**ĐỀ SỐ 1**

PHÒNG GD&ĐT ĐẤT ĐỎ

KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (1,0 điểm) Trong truyện *Em bé thông minh*, em bé đã vượt qua nhiều thử thách. Em hãy kể lại những thử thách đối với em bé theo đúng trình tự.

Câu 2: (2,0 điểm) Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* ngụ ý phê phán những người như thế nào? Qua truyện này, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Câu 3: (2,0 điểm) Nêu nghĩa khái quát của lượng từ. Tìm lượng từ trong các phần trích sau:

a) *Các hoàng tử phải cỡi giáp xin hàng.*

(Thạch Sanh)

b) *Tình thương bao la với dân, với nước trước hết phải xuất phát từ tình nghĩa đối với những người thân trong gia đình. Bác Hồ bằng những hành động quan tâm đến người cha đã mang đến cho chúng ta một bài học sâu sắc về đạo làm con.*

(Theo *Những kỉ niệm cảm động về Bác Hồ*)

Câu 4: (5,0 điểm) Kể lại một kỉ niệm sâu sắc giữa em với thầy giáo hoặc cô giáo.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6

Câu	Nội dung	Điểm
1	* Những thử thách đối với em bé: - Câu hỏi của viên quan: Trâu cày một ngày được mấy đường? - Câu hỏi của nhà vua: Nuôi làm sao để trâu đực đẻ được con; làm ba cỗ thức ăn bằng một con chim sẻ? - Câu hỏi của sứ thần: Làm cách nào để khâu được sợi chỉ qua con ốc vặn rất dài? * Lưu ý: Học sinh kể lại đủ những thử thách đối với em bé nhưng không theo đúng trình tự: trừ 0,25 điểm.	0,25 0,5 0,25
2	- Truyện <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> ngụ ý phê phán những người hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang. - Rút ra bài học, học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện những ý chính sau: + Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh. + Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác. + Phải biết hạn chế của mình và phải mở rộng tầm hiểu biết bằng nhiều hình thức khác nhau.	0,5 0,5 0,5 0,5
3	- Nghĩa khái quát của lượng từ: Chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật. - Lượng từ trong phần trích: a) <i>Các</i> b) <i>Những, những</i>.	0,5 0,5 1,0
4	I. Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh biết cách viết bài văn tự sự có bố cục hợp lí; văn phong mạch lạc, không sai lỗi chính tả, lỗi dùng từ,... II. Yêu cầu về kiến thức: - Kể một kỉ niệm sâu sắc giữa em với thầy giáo hoặc cô giáo. - Chuyện được kể bằng ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “em”	1,0

	hoặc xưng “tôi”.	
	- Bài làm cần hướng vào những ý chính sau:	
	1. Mở bài:	
	- Giới thiệu về kỉ niệm với thầy giáo hoặc cô giáo.	0,5
	- Ấn tượng chung về kỉ niệm.	
	2. Thân bài: Kể lại diễn biến chi tiết về kỉ niệm giữa em với thầy giáo hoặc cô giáo theo trình tự hợp lí:	
	- Kỉ niệm xảy ra khi nào? Khi đó em học lớp mấy? Trường nào? Đó là kỉ niệm buồn hay vui?...	0,5
	- Câu chuyện diễn ra như thế nào? Điều gì khiến em ghi nhớ mãi?...	2,5
	3. Kết bài:	0,5
	- Suy nghĩ của em về kỉ niệm, mong ước em dành cho thầy giáo hoặc cô giáo.	
	- Những việc làm, hành động em có thể làm để đền đáp tấm lòng của thầy giáo hoặc cô giáo .	

* **Lưu ý:** Trên đây chỉ là những gợi ý mang tính định hướng chung. Giáo viên căn cứ vào những bài làm cụ thể của học sinh, linh hoạt chấm điểm cho phù hợp, khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo.

ĐỀ SỐ 2

PHÒNG GD&ĐT TÂN HIỆP

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016 - 2017

Môn: Ngữ Văn - lớp 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (1,5 điểm) Truyện cổ tích là gì? Kể tên các truyện cổ tích đã học?**Câu 2: (1,0 điểm)** Nêu ý nghĩa văn bản “Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng”.**Câu 3: (1,5 điểm)**

a/ Động từ là gì?

b/ Tìm động từ trong câu sau và sắp xếp các động từ ấy vào 2 loại chính?

Bà cho là hổ định ăn thịt mình, run sợ không dám nhúc nhích.

Câu 4: (1,0 điểm) Cho danh từ **học sinh**, hãy phát triển thành cụm danh từ và đặt câu với cụm danh từ ấy?**Câu 5: (5,0 điểm)** Nhân dịp nghỉ lễ 30/4 và 01/5/2016 (thứ bảy và chủ nhật), các thành viên trong gia đình em đều về sum họp bên nhau. Hãy kể về ngày chủ nhật đáng nhớ này.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Truyện cổ tích là truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc (nhân vật bất hạnh; nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng, kì lạ; nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch; nhân vật là động vật). Truyện thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.	1,0 điểm
	- Các truyện đã học: Thạch Sanh, Em bé thông minh...	0,5 điểm
Câu 2	- Ý nghĩa:	0,5 điểm
	+ Truyện ca ngợi vị Thái y lệnh không những giỏi về chuyên môn mà còn có lòng tấm lòng nhân đức, thương xót người bệnh. + Câu chuyện là bài học về y đức cho những người làm nghề y hôm nay và mai sau	0,5 điểm
Câu 3	- Động từ là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.	0,5 điểm
	- Sắp xếp:	
	+ Động từ tình thái: Định, dám	0,5 điểm
Câu 4	+ Động từ hành động, trạng thái: Ăn, run, sợ, nhúc nhích	0,5 điểm
	- Học sinh có thể có nhiều cách phát triển thành CDT	0,5 điểm
	VD: Một học sinh; học sinh ấy...	
Câu 5	- Đặt câu phải có đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ	0,5 điểm
	VD: Học sinh ấy rất chăm ngoan.	
Câu 5	* Hình thức:	
	- Bài văn có bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ. Trình bày hợp lý. Không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.	
	- Kể về một chuyện đời thường.	
	- Ngôn ngữ trong sáng, nội dung cụ thể rõ ràng.	

	- Kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm (không yêu cầu cao).	
	* Nội dung (một vài gợi ý sau) 1. Mở bài: Giới thiệu về ngày nghỉ lễ, sự sum họp gia đình và ấn tượng chung của mình. 2. Thân bài: - Gia đình sum họp đông vui, các hoạt động, sinh hoạt của gia đình; - Cả nhà quây quần bên mâm cơm, lời chúc lời dặn dò của ông bà cha mẹ; - Lời hứa, sự quyết tâm của con cháu; - Chia tay (đi học, trở về nơi công tác...) 3. Kết bài: Ấn tượng sâu sắc về ngày chủ nhật đáng nhớ này.	0,5 điểm 1,0 điểm 1,0 điểm 1,0 điểm 1,0 điểm 0,5 điểm
	* Biểu điểm: - Điểm 5: Bài viết đúng thể loại, bố cục rõ ràng. Nội dung nổi bật, sâu sắc. Diễn đạt lưu loát. Kết hợp các yếu tố tự sự miêu tả, biểu cảm. Trình bày sạch đẹp, đúng chính tả, đúng ngữ pháp. - Điểm 4: Hành văn mạch lạc, bố cục bài hợp lý, nội dung đầy đủ. Có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm. Còn mắc một vài lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 2 - 3: Bài viết đủ ba phần, nội dung còn sơ sài, còn mắc một vài lỗi chính tả. - Điểm 1: Bố cục chưa hoàn chỉnh, diễn đạt yếu, còn mắc nhiều lỗi. - Điểm 0: Bỏ giấy trắng hoặc lạc đề.	

ĐỀ SỐ 3

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2016 - 2017

THỊ XÃ NINH HÒA

Môn: NGỮ VĂN lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (3,0 điểm)

a)

- Nêu định nghĩa về thể loại truyện ngụ ngôn?
- Kể tên những văn bản thuộc thể loại truyện ngụ ngôn mà em đã được học trong sách Ngữ văn 6, tập một.

b)

- Tóm tắt cốt truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. (Không quá 5 dòng)
- Truyện nêu lên bài học gì?

Câu 2: (2,0 điểm)

Một bạn học sinh đã mắc nhiều lỗi chính tả khi chép lại một đoạn văn trong truyện “Bánh chưng, bánh giầy” như sau:

... Vua cha sem qua một lược rồi dừng lại chước chồng bánh của Lang liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang liêu đem giấc mơ gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi trộn hai thứ bánh ấy đem tế trời, đất cùng Tiên Vươn.

a) Em hãy viết lại đoạn văn trên cho đúng.

b) Chỉ từ là gì? Tìm chỉ từ trong những câu văn trên?

Xác định ý nghĩa và chức vụ của chỉ từ ấy.

Câu 3: (5,0 điểm)

Kể về một người thầy giáo (cô giáo) mà em yêu quý.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6

Câu	Đáp án	Điểm
1	a)	
	* Nêu được định nghĩa về thể loại truyện ngụ ngôn: Loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người; nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.	1,0
	- Mức tối đa: Nêu đúng nội dung trên	1,0
	- Mức chưa tối đa: Thiếu hoặc sai nội dung trên	0,25-0,75
	- Không đạt: Nêu nhầm lẫn, không trình bày.	0
	* Kể tên những văn bản thuộc thể loại truyện ngụ ngôn đã được học trong sách Ngữ văn 6, tập một:Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng; Đeo nhạc cho mèo (không bắt buộc phải kể)	0,5
	- Mức tối đa: Kể đúng 3 văn bản trên	0,5
	- Mức chưa tối đa: Kể đúng 2/3 văn bản.	0,25
	- Không đạt: Kể không đúng hoặc chỉ đúng 1 văn bản.	0
	b)	
	* Tóm tắt cốt truyện “Ếch ngồi đáy giếng”: gợi ý: Một con ếch sống trong đáy giếng đã lâu ngày. Nó cứ nghĩ mình là chúa tể, còn bầu trời chỉ là chiếc vung. Đến khi mưa to, nước dâng lên, ếch ra khỏi giếng và đi lại nghênh ngang, không để ý đến xung quanh, nên cuối cùng bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.	0,75
	- Mức tối đa: Thực hiện đủ nội dung trên (không quá 5 dòng)	0,75
	- Mức chưa tối đa: Chưa đầy đủ nội dung trên	0,25-0,5
	- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
	* Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài, chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện nêu lên bài học: + Phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang.	0,75

	+ Khuyên nhủ người ta phải mở rộng tầm hiểu biết của mình. + Không được chủ quan, kiêu ngạo coi thường những đối tượng chung quanh.	
	- Mức tối đa: Nêu đủ, đúng 3 ý trên	0,75
	- Mức chưa tối đa: Sai, thiếu mỗi ý: - 0,25điểm	0,25-0,5
	- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
2	a) Viết lại đoạn văn cho đúng: ... Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mơ gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên vương.	1,0
	- Mức tối đa: Đúng như đoạn văn trên hoặc chỉ sót 1 lỗi	1,0
	- Mức chưa tối đa: Chữa sai, thiếu: - 0,25điểm/2 lỗi (bất cứ dạng nào) (chú ý: Chữ “Liêu” chỉ tính 1 lỗi)	0,25-0,75
	- Không đạt: Không làm, làm sai.	0
	b) * Chỉ từ là những từ dùng để trở vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian. * Tìm chỉ từ trong những câu văn trên: “ấy”	0,5
	- Mức tối đa: Nêu đúng, đủ 2 ý trên.	0,5
	- Mức chưa tối đa: Sai, thiếu 1 ý.	0,25
	- Không đạt: Không làm, làm sai.	0
	* Xác định ý nghĩa và chức vụ của chỉ từ “ấy”: + Xác định vị trí của sự vật trong không gian. + (thay thế cho “của Lang Liêu”) làm phụ ngữ cho cụm danh từ “hai thứ bánh”.	0,5
	- Mức tối đa: Nêu đúng, đủ 2 ý trên.	0,5
	- Mức chưa tối đa: Sai, thiếu 1 ý	0,25

	- Không đạt: Không làm, làm sai.	0
3	1. Yêu cầu chung: - Dạng đề: Kể chuyện. - Nội dung: + Một thầy giáo hoặc cô giáo luôn tận tâm, hết lòng đối với việc dạy dỗ em. + Những bài học em rút ra được từ nhân cách người thầy (cô) giáo đó. + Những suy nghĩ về tình cảm thầy trò. - Kỹ năng: + Ngôi kể: ngôi thứ nhất. + Trình tự kể: nên từ hiện tại hồi tưởng về quá khứ. + Bố cục bài kể chuyện đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt chính xác, mạch lạc; trình bày sạch sẽ, cẩn thận;	
	2. Đáp án và biểu điểm: (Dàn bài gợi ý)	
	a) Mở bài: - Vai trò của những người thầy, người cô đối với học trò: (mang đến tri thức, dạy dỗ em nên người). - Giới thiệu khái quát về người thầy (cô) mà em sắp kể: Đó là thầy (cô) nào, dạy em lớp mấy?	0,5
	- Mức tối đa: Thực hiện đúng yêu cầu, biết cách dẫn dắt, giới thiệu	0,5
	- Mức chưa tối đa: Nói chung chung	0,25
	- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
	b) Thân bài:	
	b.1) Miêu tả một vài nét nổi bật về ngoại hình của thầy giáo (cô giáo) đó: vóc dáng, phong thái, giọng nói, cử chỉ, ... (có thể viết riêng hoặc đan xen vào những phần dưới)	1,0
	- Mức tối đa: Biết cách miêu tả hợp lí, chân thật, vừa phải; kĩ năng tả tốt	1,0
	- Mức chưa tối đa: Chưa đạt yêu cầu trên, tả chung chung, sơ sài.	0,5

- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
b.2) Kể chuyện về thầy giáo (cô giáo) ấy: Khái quát về lối sống, tác phong sư phạm của người thầy (cô) đó: Mẫu mực, quan tâm thương yêu học sinh... Đối với riêng em, thầy (cô) đã hết lòng với việc học tập của em ra sao? (nhắc nhở, động viên em học tập: gặp riêng để trò chuyện; đến nhà để thăm hỏi, tìm hiểu...). Giúp đỡ về tinh thần, vật chất (nếu có): Hướng dẫn cách học, tặng sách vở, đồ dùng học tập... Kỷ niệm sâu sắc nhất của em đối với thầy giáo (cô giáo) ấy.	2,0
- Mức tối đa: Biết cách kể chuyện hợp lí, sáng tạo; Có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm tốt trong quá trình kể.	2,0
- Mức chưa tối đa: Chưa đạt yêu cầu trên, kể chung chung;	1,0-1,5
- Kể sơ sài (kể ít, tả nhiều)	0,5
- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
b.3) - Nêu tình cảm của em đối với thầy giáo (cô giáo) ấy ra sao: yêu mến, cảm phục, tri ân... (có thể ban đầu thấy khó chịu nhưng sau này có sự biến đổi rõ rệt...) - Bài học về cách sống mà thầy cô đã mang lại cho em.	1,0
- Mức tối đa: Trình bày tốt, chân thành các ý trên	1,0
- Mức chưa tối đa: Chưa đạt yêu cầu trên; tả chung chung, sơ sài.	0,5
- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0
c) Kết bài: - Khẳng định tình cảm yêu quý, trân trọng của bản thân đối với thầy giáo (cô giáo) đó. - Những suy nghĩ khái quát, sâu sắc về tình cảm thầy trò.	0,5
- Mức tối đa: Đạt các yêu cầu trên, cảm xúc chân thật.	0,5
- Mức chưa tối đa: Nêu chung chung, sơ sài.	0,25
- Không đạt: Nhầm lẫn, không trình bày	0

Lưu ý: Nếu diễn đạt chưa tốt, bài viết chỉ đạt một nửa số điểm của từng phần.

Đây chỉ là gợi ý, tùy theo bài làm của HS mà giáo viên linh hoạt, định điểm nhưng không vượt khung quy định.

ĐỀ SỐ 4

PHÒNG GD&ĐT THÁI THỤY ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017

Môn: NGỮ VĂN 6

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)***I. PHẦN ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)****ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG***(Truyện ngụ ngôn)*

Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dâng lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

Sách Ngữ văn 6, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015

Em hãy đọc kỹ văn bản trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Vì sao ếch tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể?
- 2) Giải nghĩa từ: *Chúa tể*.
- 3) Do đâu ếch bị con trâu đi qua giẫm bẹp?
- 4) Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* nhằm nêu lên bài học gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (8,0 điểm)

Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 2,0 điểm**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Ếch tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể vì:	0,5
	- Ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh ếch lâu nay cũng chỉ có một vài loài vật bé nhỏ.	0,25
	- Hằng ngày, ếch cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ nên càng làm cho ếch chủ quan, kiêu ngạo...	0,25
2	- Giải nghĩa từ: <i>Chúa tể</i> - Kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.	0,5
3	Ếch bị con trâu đi qua giẫm bẹp vì: Một lần ra khỏi giếng, quen thói cũ, nó nhâng nháo nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh...	0,5
4	Truyện <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> nhằm nêu lên bài học: Phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan, kiêu ngạo.	0,5

II. PHẦN LÀM VĂN: 8,0 điểm

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
2		Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến. - Phạm vi kể chuyện rộng, đây cũng là dịp để các thầy, cô giáo hiểu được tình cảm của học sinh dành cho mình.	8,0
	Khái quát	- Đề bài yêu cầu học sinh kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến (chuyện có thể có thực trong đời sống hoặc do học sinh sáng tạo ra một câu chuyện từ đời sống...), yêu cầu học sinh biết vận dụng kiến thức Tập làm văn và những quan sát từ đời sống thực tế để làm bài.	
	1	Mở bài: Học sinh có thể mở bài bằng nhiều cách khác nhau, nhưng phải giới thiệu được thầy giáo hay cô giáo mà em quý	1,0

		mến và giới thiệu được hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.	
2	Thân bài: Học sinh chọn ngôi thứ nhất để kể chuyện, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh. - Giới thiệu về thầy giáo (hay cô giáo) mà em quý mến - Kể lại một câu chuyện hoặc một tình huống chuyện về thầy giáo hay cô giáo em quý mến theo một trình tự nhất định (về thời gian, không gian, tình huống xảy ra câu chuyện...) - Kết hợp kể chuyện với miêu tả người, miêu tả cảnh ... - Kết hợp nêu cảm nghĩ của bản thân với thầy hay cô giáo...	6,0 1,0 3,0 1,0 1,0	
3	Kết bài: Kết thúc câu chuyện, tình cảm của em với thầy hay cô giáo...	1,0	

*** VẬN DỤNG CHO ĐIỂM PHẦN LÀM VĂN**

Điểm 7 - 8: Kể chuyện sinh động, có các tình tiết chính, phụ; có sáng tạo. Biết kết hợp kể chuyện với miêu tả người, miêu tả cảnh và nêu cảm nghĩ. Bài làm có bố cục mạch lạc, diễn đạt tốt, đồng thời trình bày đẹp, chữ viết đúng chính tả.

Điểm 5 - 6: Biết vận dụng văn kể chuyện, có các tình tiết nhưng có thể chưa sáng tạo trong ngôn ngữ kể chuyện. Biết kết hợp kể chuyện với miêu tả người, miêu tả cảnh và nêu cảm nghĩ nhưng có thể chưa rõ. Bài làm có bố cục tương đối rõ, trình bày tương đối đẹp, có thể mắc một số lỗi chính tả, diễn đạt.

Điểm 3 - 4: Vận dụng văn kể chuyện chưa tốt, có các tình tiết nhưng chưa sáng tạo trong ngôn ngữ kể chuyện. Chưa biết kết hợp kể chuyện với miêu tả người, miêu tả cảnh và nêu cảm nghĩ, đôi chỗ còn lan man. Bố cục chưa rõ, trình bày chưa đẹp, còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt...

Điểm 1 - 2: Chưa biết vận dụng văn kể chuyện, chưa biết kết hợp kể chuyện với miêu tả cảnh, miêu tả người, các tình tiết của câu chuyện còn lan man, mắc nhiều lỗi diễn đạt, chữ viết và trình bày chưa đạt yêu cầu.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

* **Luru ý:**

- Với học sinh lớp 6: Không yêu cầu cao trong việc vận dụng kiến thức Tập làm văn để kể

một câu chuyện hoàn chỉnh. Chỉ yêu cầu học sinh biết kể lại một câu chuyện có nhân vật, có các tính tiết câu chuyện theo yêu cầu đề ra, bước đầu biết kết hợp kể chuyện với miêu tả, nêu cảm nghĩ... trân trọng những sáng tạo của học sinh.

- Trong quá trình chấm bài, cần hết sức quan tâm đến kỹ năng diễn đạt và trình bày của học sinh. Coi diễn đạt và trình bày (cả nội dung & hình thức, chữ viết, chính tả...) là yêu cầu rất quan trọng trong bài làm của học sinh. Khi cho điểm toàn bài, cần chú ý các yêu cầu này.

* **Điểm toàn bài:** làm tròn tới 0,5 (4,0; 4,5; 5,0; 5,5 . . . 9,0; 9,5; 10)

ĐỀ SỐ 5

PHÒNG GD&ĐT LẠC THỦY
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHI NÊ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng Cách chọn chữ cái trước câu trả lời đúng

Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào hông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng, đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như ngả rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?

- A. Em bé thông minh
- B. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- C. Thạch Sanh
- D. Thánh Gióng

Câu 2: Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 3: Cụm từ nào trong câu văn sau là cụm danh từ?

- A. Tráng sĩ bèn nhổ
- B. Những cụm tre cạnh đường
- C. Quật vào giặc
- D. Những cụm tre cạnh đường quật vào giặc

Câu 4: Chi tiết sau đây có ý nghĩa gì?

“Đến đây, một mình một ngựa tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.”

- A. Hình ảnh Gióng bắt tử trong lòng nhân dân
- B. Gióng xả thân vì nghĩa lớn, không hề đòi công danh, phú quý
- C. Dấu tích của chiến công, Gióng để lại cho quê hương , xứ sở
- D. Cả A, B và C

Câu 5: Nối các nội dung ở cột bên phải với thể loại ở cột bên trái

a, Truyền thuyết	1. Kể một câu chuyện ngụ ý để răn dạy người đời
b, Cổ tích	2. Huyền thoại về một nhân vật hay một sự kiện có tính chất lịch sử
c. Ngụ ngôn	3. Kể về những hiện tượng đáng cười nhằm giải trí hoặc phê phán
d. Truyện cười	4. Kể về những mâu thuẫn trong xã hội, thể hiện nguyện vọng, ước mơ của nhân dân

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

1. Vẽ sơ đồ cấu tạo từ tiếng Việt (2,0 điểm)
2. Hãy kể về một tấm gương tốt trong học tập (5,0 điểm)

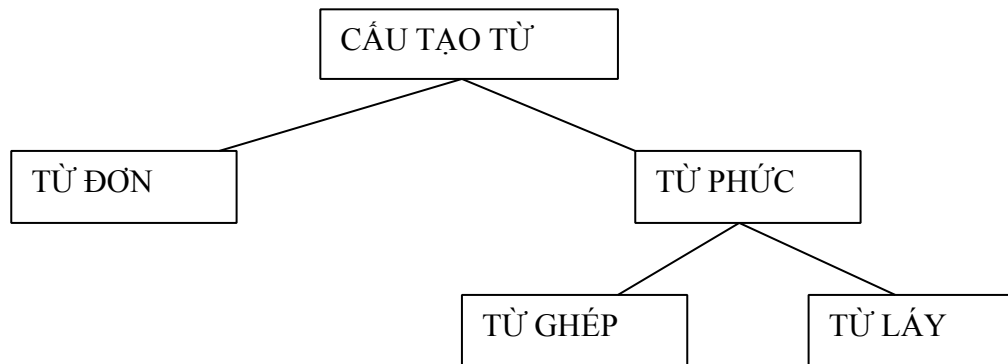
ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**Phần I: Trắc nghiệm: (3,0 điểm)**

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	D	A	B	D

Câu 5: a - 2; b - 4; c - 1; d - 3

Phần II: Tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1: Vẽ sơ đồ cấu tạo từ tiếng Việt (2,0 điểm)



Câu 2: Làm văn (5,0 điểm)

***Yêu cầu chung:** HS biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về văn kể chuyện để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, kể phải phù hợp với đời sống thực tế. Văn viết có cảm xúc, chân thực, diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp

*** Yêu cầu cụ thể:**

1) **Mở bài:** Giới thiệu nhân vật (anh, chị, bạn..) (0,5 điểm)

2) **Thân bài:** (4,0 điểm)

- Sơ lược về nhân vật: Tên tuổi, hình dáng, tính cách ...

- Kể biểu hiện cụ thể về việc học tốt của nhân vật

+ Cần cù, chăm chỉ

+ Tận dụng thời gian học tập

+ Phương pháp học tập

+ Cách khắc phục khó khăn để vươn lên học tốt

3) **Kết bài:** Cảm nghĩ về nhân vật. (0,5 điểm)

ĐỀ SỐ 6

Trường

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2016 – 2017

Lớp

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

Họ và tên

Thời gian làm bài: 90 phút

I/ Phần trắc nghiệm: (3,0 điểm) (Khoanh tròn vào đáp án đúng)**Câu 1:** Định nghĩa về truyền thuyết

- A. Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật tưởng tượng, kỳ ảo
- B. Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo; thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.
- C. Truyền thuyết là những truyện luôn có yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo; và thông qua các yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo để giải thích nguồn gốc các sự kiện.

Câu 2: Các từ: *Nguồn gốc, con cháu, chăn nuôi, bánh chưng, bánh giày*. Thuộc kiểu cấu tạo từ nào.

- A. Từ đơn
- B. Từ đơn đa âm tiết
- C. Từ ghép
- D. Từ láy

Câu 3: Giải thích nghĩa của từ: *Tráng sĩ*

- A. Người có tài lớn thời xưa.
- B. Người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn.
- C. Người lính thời xưa.
- D. Vạm vỡ, to lớn.

Câu 4: Phần kết thúc truyện "*Thạch Sanh*" nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?

- A. Sự trừng phạt đối với tội ác của mẹ con Lý Thông.
- B. Ước mơ của nhân dân về sự đổi đời
- C. Thể hiện công lý xã hội
- D. Cả A, B, C

Câu 5: Danh từ là gì?

- A. Là những từ dùng để gọi tên
- B. Là những từ miêu tả sự vật, hiện tượng
- C. Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng khái niệm

D. Cả 3 trường hợp trên đều sai.

Câu 6: Xem xét câu thơ sau mắc lỗi gì?

“Ai vô Phan rang, phan thiết

Ai lên Công tum, tây nguyên, đắc lắc”

A. Lỗi dùng từ. C. Cả hai trường hợp A, B.

B. Lỗi chính tả D. Lỗi dùng dấu ngắt câu

Câu 7: Các truyện “*ếch ngồi đáy giếng*” “*Thầy bói xem voi*” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích C. Truyện cổ dân gian.

B. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 8: Chức vụ ngữ pháp điển hình của danh từ là:

A. Làm vị ngữ

B. Làm định ngữ

C. Làm chủ ngữ

D. Làm bổ ngữ.

Câu 9: Truyện “*Treo biển*” và “*Lợn cưới áo mới*” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện cổ dân gian

C. Truyện cười

D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 10: Các từ: “Những, các, mọi, từng, tất cả” thuộc từ loại:

A. Số từ C. Lượng từ

B. Danh từ D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 11: Cho các cụm từ “*Viên quan ấy, cánh đồng kia, cha con nhà nọ*” các từ: **Ấy, kia, nọ** thuộc từ loại nào?

A. Địnhnh từ C. Chỉ từ

B. Danh từ D. Lượng từ

Câu 12: Chức vụ ngữ pháp điển hình của động từ trong câu là:

A. Chủ ngữ C. Vị ngữ

B. Định ngữ D. Bổ ngữ

II. Tự luận: (7,0 điểm)**Câu 1 (1,5 điểm)**

- a. Thế nào là truyện ngụ ngôn?
- b. Kể tên các truyện ngụ ngôn mà em đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 6?

Câu 2 (1,5 điểm)

- a. Thế nào là danh từ?
- b. Hãy tạo thành cụm danh từ cho các danh từ sau: Mưa, ngôi nhà.
- c. Đặt câu với hai cụm danh từ vừa tạo thành?

Câu 3 (4,0 điểm)

Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)**

Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu	Câu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	C	B	D	C	B	D	C	C	C	C	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**Câu 1 (1,5 điểm)**

a/ Nêu đúng khái niệm truyện ngụ ngôn cho 1,0 điểm:

- Là truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo truyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

b/ HS nêu đầy đủ, đúng tên các truyện ngụ ngôn đã học ở lớp 6 cho 0,5 điểm:

- Tên các truyện ngụ ngôn:Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.

Câu 2 (1,5 điểm)

a. Nêu đúng khái niệm danh từ (0,5 điểm): Danh từ là những từ chỉ sự vật, hiện tượng, khái niệm.

b. HS tạo đúng mỗi cụm danh từ được 0,5 điểm.

VD

- Ngôi nhà màu xanh ấy

- Một trận mưa to

c. Đặt câu có chứa cụm danh từ vừa tạo thành, mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 3 (4,0 điểm)

Học sinh có thể có nhiều cách kể khác nhau nhưng về cơ bản cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:

* Những yêu cầu chính:

1. Nội dung:

- Học sinh biết kể về 1 thầy giáo hoặc cô giáo mà mình quý mến (thầy, cô giáo mà học sinh đã học hay đang học)

- Qua lời kể, nêu lên các sự việc mà em ghi nhớ nhất (có thể là những gì tốt đẹp trong cuộc sống và việc dạy dỗ của thầy (cô giáo) đã để lại ấn tượng đẹp đẽ cho em. Cụ thể:
 - + Giới thiệu khái quát về thầy giáo (cô giáo) mà em quý mến.
 - + Giới thiệu về hình dáng, tính cách, cử chỉ, hành động, công việc, kể những kỉ niệm (sự quan tâm) của thầy giáo (cô giáo) đối với mình: Trong học tập, trong đời sống...
 - + Qua đó thể hiện tình cảm quý mến, trân trọng của em, nhờ thầy (cô) mà em khôn ngoan, trưởng thành. Có thể liên hệ bản thân làm gì để vừa lòng thầy (cô).

2. Hình thức:

- Sử dụng ngôi kể, thứ tự kể phù hợp.
- Bài viết có bố cục 3 phần rõ ràng.
- Kể kết hợp với tả và bộc lộ cảm xúc.
- Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, ít mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy.

3. Biểu điểm

- Điểm 3 - 4: Bài viết đầy đủ nội dung; đảm bảo bố cục 3 phần. Bài viết mạch lạc sinh động, giàu cảm xúc, biết kết hợp văn kể và miêu tả. Trình bày rõ ràng, sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu...
 - Điểm 2 - 3: Bài viết đầy đủ nội dung; đảm bảo bố cục 3 phần, bài viết khá mạch lạc, mắc 1- 3 lỗi chính tả, lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ, đặt câu.
 - Điểm 1 - 2: Bài viết chưa thật đầy đủ nội dung hoặc sắp xếp nội dung theo một trình tự chưa thật hợp lí; bố cục chưa rõ ràng, mắc 3 - 4 lỗi chính tả, mắc lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu.
 - Điểm 0 - 1: Bài viết thiếu nội dung, sắp xếp nội dung lộn xộn; không đầy đủ bố cục của một bài văn, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu.
- * Lưu ý: Trên đây chỉ là những định hướng mang tính chất gợi ý, thầy cô giáo khi chấm cần linh hoạt vận dụng, khuyến khích các bài làm mang tính sáng tạo, giàu chất văn...